

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH PHÚ
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **63/2023/DS-ST**

Ngày 07-7-2023

V/v tranh chấp “Hợp đồng vay Tsản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P - TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Triết

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Mỹ Duyên.

2. Bà Bùi Thị Duyên

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Lộc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Mai Ly - Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 140/2022/TLST- DS ngày 26 tháng 5 năm 2022 về tranh chấp “Hợp đồng vay Tsản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 110/2022/QĐXXST-DS ngày 26/9/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 72/2022/QĐST-DS ngày 17/10/2022; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 08/2022/QĐST-DS ngày 02/11/2022; Thông báo tiếp tục phiên tòa số: 884/TB-TA ngày 05/6/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 58/2023/QĐST-DS ngày 21/6/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Đoàn Văn Đ, sinh năm 1975, cư trú: số 366/TK ấp TK, xã TH, huyện B T, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Võ Trần D, sinh năm 1992. Nơi cư trú: ấp Hưng Nghĩa I, xã HL, huyện GT, tỉnh Bến Tre. (Có mặt)

- Bị đơn: Ông Trần Mai S, sinh năm 1972 và bà Nguyễn Thị Hồng H, sinh năm 1977. Cùng cư trú: số 403/TH, ấp Tân Hòa, xã Tn, huyện BT, tỉnh Bến Tre. Cùng tạm trú: ấp AK A, xã An Điền, huyện P, tỉnh Bến Tre (vắng mặt lần hai không có lý do).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Trần Mai S: Luật sư Nguyễn Văn T- Văn phòng Luật sư Sài Gòn Việt (Thuộc đoàn Luật sư Thành Phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt lần hai không có lý do)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Trúc L, sinh năm 1988, cư trú: số 366 /TK ấp Tân Khai, xã TH, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của bà L là ông Võ Trần D, sinh năm 1992; địa chỉ: ấp Hưng Nghĩa I, xã HL, huyện GT, tỉnh Bến Tre (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Đoàn Văn Đ, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Lê Trúc L là ông Võ Trần D trình bày:

Trước đây ông Đ có cho ông Trần Mai Svay tiền nhiều lần có lần thì có làm giấy, có lần thì không có làm giấy tờ gì. Đến ngày 16/6/2019, vợ chồng ông Trần Mai S, bà Nguyễn Thị Hồng H có mượn của ông Đ số tiền 655.000.000 đồng với lý do mua bán vật liệu xây dựng và trả ngân hàng. Khi mượn ông Scó viết giấy mượn nợ, đồng thời vợ chồng ông Sang, bà H cam kết trong tháng 7/2019 sẽ hoàn trả cho ông Đ số tiền nợ là 300.000.000 đồng, tháng 8/2019 sẽ hoàn trả tiếp số tiền 100.000.000 đồng và số tiền nợ còn lại vợ chồng ông Sang, bà H sẽ trả cho ông Đ mỗi tháng là 100.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Hiện nay, ông Đ không nhớ cho ông Svà bà H vay bao nhiêu lần, số tiền mỗi lần là bao nhiêu. Sau khi mượn số tiền nêu trên vợ chồng ông Sang, bà H không thực hiện đúng cam kết nêu trên, không trả vốn và lãi nên ông Đ khởi kiện. Số tiền 655.000.000 đồng là Tsản chung của ông Đ và vợ ông Đ là bà Lê Trúc L, tại phiên tòa hôm nay Ông Đ yêu cầu Tòa án nhân dân huyện P giải quyết buộc vợ chồng ông Sang, bà H có trách nhiệm liên đới trả cho ông Đ và bà L số tiền nợ gốc 655.000.000 đồng và tính lãi từ ngày 16/6/2019 đến ngày 16/6/2023 với mức lãi suất 0,83%/tháng ($655.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/tháng \times 48 \text{ tháng}$) với số tiền lãi là 260.952.000đồng.

Ông Đ không đồng ý yêu cầu phản tố của ông Svề việc ông Stính lại lãi với ông Đ vì từ trước đến nay ông Đ không có nhận phần tiền lãi nào từ ông Svà bà H.

Các kết quả giám định và nội dung bản lượt ghi âm thì ông Đ không đồng ý nhưng ông Đ không yêu cầu giám định lại.

Tại phiên tòa ngày 07/7/2023 bị đơn ông Trần Mai Svắng mặt nhưng theo đơn phản tố ngày 07/5/2021 (Bút lục 175) và trong quá trình tố tụng ông Scó trình bày:

Ngày 16/3/2018, ông Scó vay của ông Đoàn Văn Đ số tiền 200.000.000 đồng, ngày 29/6/2018, ông Stiếp tục vay của ông Đ số tiền 300.000.000 đồng, tổng cộng 500.000.000 đồng, lãi suất 30%/tháng, thời hạn vay khi nào ông Đ cần thu hồi nợ thì báo ông Sbiết trước một tháng để chuẩn bị. Theo đó mỗi ngày ông Sđóng lãi cho ông Đ 5.000.000 đồng, ông Sđóng liên tục tổng số tiền 385.000.000 đồng.

Tính đến ngày 29/12/2018, ông trả nợ gốc 3 lần cho ông Đ với số tiền 350.000.000 đồng (lần 1: 200.000.000 đồng, lần 2: 100.000.000 đồng và lần 3 50.000.000 đồng). Đến ngày 16/6/2019, ông Đ yêu cầu ông Sđến thị trấn Ba Tri để tính chốt nợ đối với số tiền ông Sđã vay. Tại đó có mặt ông Đ và 02 người lạ mặt khác uy hiếp buộc ông Sviết giấy nợ với số tiền 655.000.000 đồng, ông Skhông rõ ông Đ tính gốc, lãi như thế nào mà có số tiền nợ như vậy. Ngày 19/4/2020, ông Scó đến tận nhà để trả cho ông Đ 50.000.000 đồng và yêu cầu ông Đ viết biên nhận nhưng ông Đ không đồng ý. Do ông Đ không đồng ý viết biên nhận nên ông Skhông trả tiền cho ông Đ và mang tiền về.

Do đã trả nợ gốc 350.000.000 đồng, nên ông Sđồng ý trả cho ông Đ 305.000.000 đồng còn lại cùng lãi suất theo quy định.

Ông yêu cầu ông Đ trả lại cho ông Ssố tiền lãi đã đóng cho ông Đ là 385.000.000 đồng và yêu cầu ông Đ trả cho ông tiền lãi đối với số tiền 385.000.000

đồng tính từ ngày 29/12/2018 đến 29/4/2021 là: 385.000.000 đồng x 28 tháng x 0,83%/tháng = 89.474.000 đồng. Tổng cộng 474.474.000 đồng (Bốn trăm bảy mươi bốn triệu bốn trăm bảy mươi bốn nghìn đồng).

Quá trình trao đổi với ông Đ, ông S đã ghi âm và nộp nội dung và bản lược ghi cho Tòa án.

Số tiền ông vay của ông Đ dùng để cờ bạc nên vợ ông là bà H không biết.

Tại phiên tòa ngày 07/7/2023, bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng H vắng mặt nhưng trong quá trình tố tụng bà H có trình bày: Bà H không đồng ý với yêu cầu của ông Đ vì bà H không trực tiếp vay, bà H không biết và cũng không sử dụng số tiền vay trên. Mục đích ông S vay tiền là để cờ bạc, phục vụ nhu cầu riêng không dùng vào mục đích phát triển kinh tế gia đình.

Tại phiên tòa ngày 07/7/2023, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Trần Mai S là Luật sư Nguyễn Văn Trướng mặt: Ông T không có gửi văn bản đề nêu ý kiến bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Trần Mai S tại tòa.

Viện kiểm sát nhân dân huyện P phát biểu quan điểm.

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong thời gian chuẩn bị xét xử: Trong thời gian chuẩn bị xét xử Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng với quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên tòa, thư ký: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng là nguyên đơn ông Đoàn Văn Đ đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71, BLTTDS năm 2015. Riêng bị đơn ông Trần Mai Sang, bà Nguyễn Thị Hồng H chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 72 BLTTDS năm 2015

Về nội dung: Từ những phân tích trên, căn cứ các Điều 26, 35, 39, 92, 217, 227 BLTTDS; các Điều 463, 466, 468 BLDS năm 2015 chấp nhận một phần yêu cầu của ông Đoàn Văn Đ, buộc ông Trần Mai S phải có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Đoàn Văn Đ số tiền gốc là 655.000.000 đồng và trả lãi đối với số tiền trên với lãi suất 0.83%/tháng tính từ ngày 16/6/2019 đến ngày 16/6/2023.

Không chấp nhận yêu cầu của ông Đoàn Văn Đ về việc buộc bà Nguyễn Thị Hồng H là vợ ông S có trách nhiệm liên đới cùng ông S để trả số nợ trên.

Đình chỉ yêu cầu phản tố của ông S về việc yêu cầu ông Đ trả cho ông số tiền 474.474.000 đồng bao gồm 385.000.000 đồng tiền lãi đã đóng và số tiền lãi của số tiền 385.000.000 đồng tính từ ngày 29/4/2018 đến ngày 29/4/2021 với lãi suất 0.83% là 89.474.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các Tliệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện P, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay Tsản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn ông Trần Mai Svà bà Nguyễn Thị Hồng H có đăng ký hộ khẩu tại số 403/TH, ấp Tân Hòa, xã Tân Thủy, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre nhưng hiện nay đang sinh sống tại ấp An Khương A, xã An Điền, huyện P, tỉnh Bến Tre do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P theo quy định tại khoản 1 Điều 33, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về tố tụng: bị đơn ông Trần Mai Sang, bà Nguyễn Thị Hồng H và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là Luật sư ông Nguyễn Văn Tvắng mặt lần 2 không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt ông Sang, bà H và ông Tài.

[4] Về nội dung vụ án Hội đồng xét xử nhận thấy: Ông Trần Mai Sthừa nhận biên nhận ngày 16/6/2019 do nguyên đơn ông Đoàn Văn Đ giao nộp cho Tòa án đúng là do ông Sviết và ký tên, viết họ tên, ông Skhông yêu cầu giám định (Bút lục 30) nên theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự thì ông Đ không phải chứng minh. Ông Scho rằng bị ép buộc ký nhưng ông Skhông đưa ra được chứng cứ chứng minh. Do đó, ông Đ yêu cầu ông Sgiao trả cho ông Đ và bà Trúc L tiền nợ gốc 655.000.000 đồng và tính lãi từ ngày 16/6/2019 đến ngày 16/6/2023 với mức lãi suất 0,83%/tháng với số tiền lãi là 260.952.000đồng là hoàn toàn có căn cứ chấp nhận.

[5] Xét yêu cầu của ông Đ về việc yêu cầu bà H (vợ ông Sang) phải có nghĩa vụ liên đới với ông Sthanh toán cho ông Đ và bà L số tiền nợ gốc 655.000.000 đồng và tiền lãi là 260.952.000đồng. Tuy nhiên, ông Svà bà H đều cho rằng mục đích ông Svay tiền của ông Đ là để cờ bạc, bà H không biết và khi ông Đ giao tiền cho ông Scũng không thông báo cho bà H biết. Ông Đ cũng đã thừa nhận, do tin tưởng ông Snên ông Đ không thông báo lại cho bà H biết, biên nhận nợ do ông Smột mình ký tên và trong quá trình giải quyết vụ án ông Đ cũng không cung cấp được Tliệu, chứng cứ để chứng minh được mục đích ông Svay tiền là để phát triển kinh tế gia đình. Do đó, không chấp nhận yêu cầu này của ông Đ.

Bản kết luận giám định số 248/C09B ngày 29/3/2021 của Phân Viện khoa học hình sự Bộ công an tại Thành phố Hồ Chí Minh xác định “*tiếng nói của người nam ký hiệu “Đ” trong bản dịch nội dung trong file ghi âm mẫu cần giám định và tiếng nói của Đoàn Văn Đ trong mẫu số sánh là cùng một người nói ra*”. Căn cứ vào đây có cơ sở xác định giữa hai bên có tồn tại việc vay tiền và ông Scó nhiều lần trả lãi, gốc cho ông Đ. Ông Đ không thừa nhận nội dung bản ghi âm và bản kết luận giám định nhưng ông Đ không yêu cầu giám định lại. Do ông Đ và ông Skhông cung cấp tài liệu chứng cứ là sổ vay nên căn cứ vào trình bày của các đương sự vào kết quả giám định và bản lượt ghi để xác định nội dung vụ án. Sau khi Tòa án nhân dân huyện TH xét xử tại Bản án số: 67/2021/DS-ST, ngày 17-12-2021, bị đơn ông Trần Mai Skháng cáo.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số: 72/2022/DS-PT, ngày 20-4-2022, Toà án nhân dân tỉnh Bến Tre tuyên huỷ án sơ thẩm để thụ lý xét xử lại với lý do: việc thu thập chứng cứ chứng minh của cấp sơ thẩm không đầy đủ mà tại phiên toà phúc

thẩm không bổ sung được. Cần thu thập chứng cứ là sổ ghi nợ vay, nợ lãi do ông Đ giữ, làm rõ số tiền 655.000.000 đồng theo giấy mượn tiền ngày 16/6/2019 là cộng từ các khoản vay nào, tiền gốc đã trả là bao nhiêu, lãi suất như thế nào, có dấu hiệu tội cho vay lãi nặng không.

Sau khi thụ lý lại theo thủ tục sơ thẩm đã ban hành các Thông báo về việc giao nộp Tliệu, chứng cứ đối với ông Đ, ông Sang. Tuy nhiên, các đương sự không cung cấp được tài liệu, chứng cứ theo thông báo.

Do các đương sự không trình bày rõ ràng về mức lãi suất, không xác định được đâu là nợ gốc, đâu là nợ lãi. Tại phiên toà ngày 02/11/2022, ông Sđề nghị Toà án tạm ngưng phiên toà để ông Scó đơn yêu cầu Công an huyện P, xác định hành vi cho vay nặng lãi của ông Đ. Công an huyện P phúc đáp theo Công văn số: 165/CV-CAH (CSHS) ngày 07/4/2023 xác định vụ việc không thuộc thẩm quyền điều tra, xử lý của Công an huyện P. Tuy nhiên, qua xác minh tại Công an huyện B Thì ông Skhông có gửi đơn yêu cầu về hành vi cho vay nặng lãi của ông Đ đến Công an huyện BT. Nên không có cơ sở xác định hành vi của ông Đ thuộc trường hợp phạm tội cho vay lãi nặng theo quy định tại Điều 201 Bộ luật hình sự.

[6] Bị đơn ông Trần Mai Scó đơn yêu cầu phản tố đối với ông Đoàn Văn Đ và Tòa án đã thụ lý ngày 17/5/2021 nhưng xét thấy ông Sđã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng ông Svắng mặt không có lý do, không có đơn xin vắng mặt nên căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu phản tố của ông Svề việc yêu cầu ông Đ trả số tiền 474.474.000 (Bốn trăm bảy mươi bốn triệu, bốn trăm bảy mươi bốn nghìn) đồng

[7] Từ những phân tích trên. Hội đồng xét xử Quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu của ông Đoàn Văn Đ. Buộc ông Trần Mai Sphải có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Đoàn Văn Đ, Lê Trúc L số tiền nợ gốc 655.000.000 đồng và tiền nợ lãi 260.952.000đồng.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Văn Đ về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Hồng H có trách nhiệm liên đới với ông Trần Mai Strả cho ông Đ và bà Lê Trúc L số tiền nợ gốc 655.000.000 đồng và tiền nợ lãi 260.952.000đồng.

Đình chỉ yêu cầu phản tố của ông Trần Mai Svề việc yêu cầu ông Đoàn Văn Đ trả cho ông Ssố tiền 474.474.000 đồng.

[8] Do yêu cầu của ông Đoàn Văn Đ được chấp nhận nên ông Trần Mai Sphải nộp toàn bộ chi phí tố tụng là 6.000.000 đồng.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu của ông Đoàn Văn Đ được chấp nhận nên ông Trần Mai Sphải nộp án phí {36.000.000đồng + (3% x 115.952.000đồng)} là 39.478.560 đồng.

Do ông Trần Mai Sđã được triệu tập họp lệ tham gia phiên tòa nhưng ông Svắng mặt lần thứ hai không có lý do nên số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.494.000 đồng được sung vào công quỹ Nhà nước theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

[10] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 92, 217, 227 Bộ luật tố tụng dân sự;
Các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Văn Đ. Buộc ông Trần Mai Sphải có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Đoàn Văn Đ, bà Lê Trúc L tổng số tiền 915.952.000 (Chín trăm mười lăm triệu, chín trăm năm mươi hai nghìn) đồng. Trong đó nợ gốc 655.000.000 đồng và tiền lãi 260.952.000 đồng.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Văn Đ về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Hồng H có trách nhiệm liên đới với ông Trần Mai Sphải cho ông Đoàn Văn Đ, bà Lê Trúc L số tiền nợ gốc 655.000.000 đồng và tiền nợ lãi 260.952.000 đồng.

3. Đình chỉ yêu cầu phản tố của ông Trần Mai Sphải về việc yêu cầu ông Đoàn Văn Đ trả cho ông S số tiền 474.474.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về chi phí tố tụng: Ông Trần Mai Sphải nộp là 6.000.000 đồng và đã nộp xong.

5. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trần Mai Sphải nộp là 39.478.560 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bến Tre.

Đối với số tiền 11.494.000 đồng ông Trần Mai Sphải nộp theo biên lai thu số 0005148 ngày 17/5/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P được sung vào công quỹ Nhà nước.

Chi cục Thi hành dân sự huyện BT, tỉnh Bến Tre hoàn trả cho ông Đoàn Văn Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 15.970.000 đồng theo biên lai thu số 0009098 ngày 19 tháng 02 năm 2020.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án

theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện P;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện P;
- Chi cục THADS huyện BT;
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ, Văn phòng).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

Hồ Thị Triết

